TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 7 – ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **34**/2026/HNGĐ – ST
Ngày: 24/4/2026
V/v: "*Ly hôn*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 – ĐẮK LẮK

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà*: Ông Y Kăn Niê.

- *Các hội thẩm nhân dân*: Bà Nguyễn Thị Tuyết, ông Y Yâo Bkrông.

Thư ký phiên toà: Ông Phan Hoài Đông – Chức vụ: Cán bộ Tòa án nhân dân khu vực 7 – Đắk Lắk.

Đại diên Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai Phương – Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 24/4/2026, tại Trụ sở Toà án nhân dân khu vực 7 – Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số: 282/2025/TLST- HNGĐ ngày 24 tháng 11 năm 2025, về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2026/QĐXXST–HNGĐ, ngày 16/3/2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 30/2026/QĐST-HNGĐ, ngày 03/4/2026, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Lê Thị T, sinh năm 1986. *(Có mặt)*

Nơi cư trú: Thôn E, xã C, tỉnh Đắk Lắk.

2. Bị đơn: Ông Võ Tấn V, sinh năm 1978. *(Vắng mặt)*

Nơi cư trú: Thôn E, xã C, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, quá trình làm việc tại Toà án nguyên đơn bà Lê Thị T trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị T và ông Võ Tấn V kết hôn với nhau trên cơ sở tình yêu tự nguyện và có làm thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã xã E, huyện M, tỉnh Đắk Lắk (Nay là UBND xã C, tỉnh Đắk Lắk) vào ngày 04/9/2008.

Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc được khoảng 17 năm, đến đầu năm 2025 vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung, thường xuyên cãi vã, không tôn trọng nhau, ông V thường xuyên nhậu nhẹt không lo làm ăn nên vợ chồng mâu thuẫn ngày càng trầm trọng dẫn đến xảy ra xô xát. Vì vậy vợ chồng đã sống ly thân với nhau từ tháng 10 năm 2025 cho đến nay.

- *Về con chung:* Quá trình chung sống vợ chồng bà Lê Thị T và ông Võ Tấn V có 04 con chung, các cháu tên là cháu Võ Thị Thùy L, sinh ngày 13/04/2007; cháu Võ Thị Thùy D, sinh ngày 27/10/2010; cháu Võ Thị Thùy H, sinh ngày 24/09/2012 và cháu Võ Đức H1, sinh ngày 25/05/2016.

Hiện nay con chung cháu Võ Thị Thùy L, sinh ngày 13/04/2007 đã trưởng thành, phát triển bình thường trên 18 tuổi nên đối với cháu L, bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại đơn khởi kiện cũng như quá trình giải quyết vụ án bà Lê Thị T có nguyện vọng xin được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đối với 03 con chung là cháu D, cháu H và cháu H1 cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Tuy nhiên, tại phiên toà hôm nay bà Lê Thị T có ý kiến trình bày: Đối với cháu Võ Thị Thùy D, sinh ngày 27/10/2010 hiện nay cháu đang sinh sống cùng với ông V và cháu cũng có nguyện vọng được ở với ông V nên bà T có nguyện vọng xin được giao cháu D cho ông V được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 tuổi; đối với 02 cháu Võ Thị Thùy H, sinh ngày 24/09/2012 và cháu Võ Đức H1, sinh ngày 25/05/2016 bà Lê Thị T có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Về cấp dưỡng nuôi con chung bà Lê Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về tài sản chung, nợ chung:* Không yêu cầu Toà án giải quyết.

2. Quá trình giải quyết vụ án, ông Võ Tấn V không tham gia tố tụng theo giấy triệu tập của Tòa án, không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Vì vậy, Tòa án không ghi nhận được ý kiến của bị đơn cũng không tiến hành hòa giải được. Căn cứ Điều 203 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Ngày 03 tháng 4 năm 2026, Tòa án nhân dân khu vực 7 – Đắk Lắk tiến hành mở phiên tòa xét xử vụ án nhưng ông Võ Tấn V vắng mặt lần thứ nhất không lý do. Do đó căn cứ khoản 1 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, quyết định hoãn phiên tòa.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn bà Lê Thị T có mặt, bị đơn ông Võ Tấn V vắng mặt lần thứ hai, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt đối với bị đơn ông Võ Tấn V.

** Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:*

Về tố tụng: Hội đồng xét xử, Thẩm phán, Thư ký Tòa án đã tuân thủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; nguyên đơn thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70 và 71 Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn không tham gia tố tụng theo giấy triệu tập của Tòa án là vi phạm Điều 70 và 72 Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do; đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án xác định được quan hệ hôn nhân giữa bà Lê Thị T và ông Võ Tấn V hiện lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, giải quyết cho bà Lê Thị T được ly hôn đối với ông Võ Tấn V; giao 02 cháu Võ Thị Thùy H, sinh ngày 24/09/2012 và cháu Võ Đức H1, sinh ngày 25/05/2016 cho bà T được trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi và giao cháu Võ Thị Thùy D, sinh ngày 27/10/2010 cho ông V được trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu D đủ 18 tuổi. Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu giải quyết.

Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết về án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Đắk Lắk, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*" đối với ông Võ Tấn V (cư trú tại: Xã C, tỉnh Đắk Lắk), đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 7 – Đắk Lắk theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, ông Võ Tấn V đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn ông Võ Tấn V.

[3]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, nhận thấy:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị T và ông Võ Tấn V kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã E, huyện M, tỉnh Đắk Lắk (nay là xã C, tỉnh Đắk Lắk) vào ngày 04/9/2008, đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Trong quá trình giải quyết vụ án, bà Lê Thị T xác định mâu thuẫn hôn nhân trầm trọng và không thể hàn gắn do ông V thường xuyên nhậu nhẹt không lo làm ăn, dẫn đến bà Lê Thị T không còn tình cảm vợ chồng với ông Võ Tấn V. Đồng thời, ông Võ Tấn V không tham gia tố tụng thể hiện việc không muốn hàn gắn quan hệ hôn nhân với bà Lê Thị T. Mặt khác, vào ngày 27/01/2026 Tòa án nhân dân khu vực 7 – Đắk Lắk tiến hành xác minh tình trạng quan hệ hôn nhân của vợ chồng bà Lê Thị T, ông Võ Tấn V tại chính quyền địa phương và địa phương xác định: Quá trình sống chung bà Lê Thị T, ông Võ Tấn V phát sinh nhiều mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã và bạo lực gia đình. Hiện nay, hai vợ chồng ông V, bà T đã sống ly thân với nhau từ tháng 06 năm 2025 cho đến nay, về con chung thì vợ chồng bà T và ông V có 04 con chung.

Trên cơ sở đó, Hội đồng xét xử nhận thấy tình trạng hôn nhân giữa bà Lê Thị T và ông Võ Tấn V đã trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Lê Thị T là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3.2] Về con chung: Bà Lê Thị T và ông Võ Tấn V có 04 con chung là cháu Võ Thị Thùy L, sinh ngày 13/04/2007; cháu Võ Thị Thùy D, sinh ngày 27/10/2010; cháu Võ Thị Thùy H, sinh ngày 24/09/2012 và cháu Võ Đức H1, sinh ngày 25/05/2016.

Đối với cháu Võ Thị Thùy D hiện nay đang sinh sống cùng với ông V và cháu có nguyện vọng được ở với ông V, đồng thời xét nguyện vọng của bà Lê Thị T tại phiên toà là xin được giao cháu cho ông V được trực tiếp nuôi dưỡng là có căn cứ, do đó nhằm đảm bảo tốt nhất quyền lợi của cháu về sinh hoạt và học tập nên cần chấp nhận giao cháu Võ Thị Thùy D, sinh ngày 27/10/2010 cho ông Võ Tấn V được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 tuổi; đối với 02 con chung là cháu Võ Thị Thùy H, sinh ngày 24/09/2012 và cháu Võ Đức H1, sinh ngày 25/05/2016, hiện nay đang sinh sống cùng với bà T và các cháu cũng có nguyện vọng được ở với bà T, xét nguyện vọng của bà Lê Thị T là xin được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung là có căn cứ, do đó nhằm đảm bảo tốt nhất quyền lợi của các cháu về sinh hoạt và học tập nên cần chấp nhận. Về cấp dưỡng nuôi con, nguyên đơn không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Đối với cháu Võ Thị Thùy L, sinh ngày 13/04/2007. Hiện cháu đã đủ tuổi trưởng thành, phát triển bình thường tự nuôi sống được bản thân nên vấn đề cấp dưỡng, nuôi dưỡng, các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3.3] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết về tài sản chung, nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[4]. Về án phí: Nguyên đơn bà Lê Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[5]. Xét quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa là phù hợp với quy định của pháp luật, nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 203; khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 238, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ khoản 1 Điều 51; Điều 53; khoản 1 Điều 56, Điều 57 Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị T.

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị T được ly hôn với ông Võ Tấn V.

[2]. Về con chung: Giao 01 con chung là cháu Võ Thị Thùy D, sinh ngày 27/10/2010 cho ông Võ Tấn V được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 tuổi.

Giao 02 con chung là cháu Võ Thị Thùy H, sinh ngày 24/09/2012 và cháu Võ Đức H1, sinh ngày 25/05/2016 cho bà Lê Thị T được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con, nguyên đơn không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Đối với cháu Võ Thị Thùy L, sinh ngày 13/04/2007. Hiện cháu đã đủ tuổi trưởng thành, phát triển bình thường tự nuôi sống được bản thân nên vấn đề cấp dưỡng, nuôi dưỡng, các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3]. Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên không giải quyết.

[4]. Về án phí: Nguyên đơn bà Lê Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số 0004724 ngày 21/11/2025, tại Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk.

[5]. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Nơi nhận
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND khu vực 7 – Đắk Lắk;
- Phòng THADS khu vực 7 – Đắk Lắk;
- UBND xã Cư Prao, tỉnh Đắk Lắk *(Giấy chứng nhận kết hôn số 27/2008, ngày 04/09/2008);*
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Y Kăn Niê